CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 34/HCHVTCB/2024

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm

Tên tổ chức : CÔNG TY TNHH MTV HỮU CƠ HUẾ VIỆT
Địa chỉ : 3/32 tổ 6, Ngọc Anh, p. Phú Thượng, TP. Huế, Tỉnh TT-Huế
Điện thoại : 0906 452267
E-mail : huucohueviet@gmail.com
Mã số doanh nghiệp : 3301582491

II. Thông tin về sản phẩm

1. Tên sản phẩm : **HẠT SEN KHÔ (HẠT SEN KHÔ SẤY THĂNG HOA)**
2. Thành phần : 100% từ hạt sen Huế
3. Thời hạn sử dụng sản phẩm: 12 tháng kể từ ngày sản xuất
4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì: Hạt sen khô được đóng gói trong túi PE hít chân không hoặc túi kẽm hít chân không bỏ vào hộp giấy. Khối lượng tịnh: 200 gram, 250 gram, 300 gram, 400gram, 500 gram
5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm:
   - Cơ sở sản xuất: CƠ SỞ SẢN XUẤT ỐNG HÚT CỎ HUẾ VIỆT
   - Địa chỉ : Thôn Tả Hữu Tự, làng Phò Trạch, xã Phong Bình, Huyện Phong Điền, Tỉnh Thừa Thiên Huế.
   - Số Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP: 0075/2023/NNPTNT-TTH
   - Ngày Cấp: 17/10/2023
   - Nơi cấp Chi cục Quản lý chất lượng Nông lâm sản và thủy sản Tỉnh Thừa Thiên Huế.

III. Mẫu nhãn sản phẩm

(đính kèm mẫu nhãn dự kiến của sản phẩm)

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm

Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:
- Đính kèm tiêu chuẩn nhà sản xuất số 01TCCS/2024 ngày 30 tháng 01 năm 2024
- Phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật/ quy định an toàn thực phẩm:

QCVN 8-1:2011: "Quy chuẩn quốc gia về giới hạn an toàn cho phép đối với ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm".
QCVN 8-3:2012/BYT "Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với ô nhiễm vi sinh vật trong thực phẩm".
QCVN 8-2:2011/BYT "Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm".

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./.

Huế, ngày 02 tháng 01 năm 2024

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

CÔNG TY TNHH MTV HỮU CƠ HUẾ VIỆT

Nguyễn Thị Huệ

Scanned with CamScanner

PHỤ LỤC
TIÊU CHUẨN XÂY DỰNG CƠ SỞ
Đính kèm theo BẢNG TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM số Số: 34/HCHVTCB/2024

Ngày 9. tháng 9. năm 2024

BẢN THÔNG TIN CHI TIẾT VỀ SẢN PHẨM

	Tên sản phẩm	Số: 01TCCS/2024
CÔNG TY TNHH MTV HỮU CƠ HUẾ VIỆT	**Hạt sen khô (Hạt sen khô sấy thăng hoa)**	

1. Yêu cầu kỹ thuật:

1.1. Chỉ tiêu vi sinh vật:

STT	Tên tiêu chuẩn	ĐVT	Mức tối đa
1	Tổng số VSV hiếu khí	CFU/g	$\leq 10^6$
2	Tổng số bào tử nấm men nấm mốc	CFU/g	$\leq 10^3$
3	Coliforms	CFU/g	$\leq 10^3$
4	E.coli	CFU/g	$\leq 10^2$
5	Bacillus cereus	CFU/g	$\leq 10^2$
6	Clostridium perfringens	CFU/g	$\leq 10^2$

1.2. Chỉ tiêu vệ sinh an toàn thực phẩm:

STT	Tên tiêu chuẩn	ĐVT	Mức tối đa
1	Hàm lượng chì (Pb)	mg/kg	0,2
2	Hàm lượng Asen (As)	mg/kg	1,0
3	Hàm lượng Cadimi (Cd)	mg/kg	0.1
4	Hàm lượng Thủy ngân (Hg)	mg/kg	0.05

1.3. Chỉ tiêu yêu cầu về độc tố vi nấm:

STT	Tên tiêu chuẩn	ĐVT	Mức tối đa
1	Aflatoxin tổng (B1, B2, G1, G2)	µg/Kg	4,0

2. Thành phần cấu tạo: 100% từ hạt sen

3. Thời hạn sử dụng: 12 tháng kể từ ngày sản xuất . Ngày sản xuất và hạn sử dụng được in trên nhãn sản phẩm.

4. Nội dung ghi nhãn: theo nghị định số 43/2017/NĐ-CP ngày 14/4/2017 của chính phủ về nhãn hàng hóa và Nghị định 111/2021/NĐ-CP sửa đổi nghị định số 43/2017/NĐ-CP ngày 14/4/2017 của chính phủ về nhãn hàng hóa.

Huế, ngày 30 tháng 01 năm 2024

GIÁM ĐỐC

M.S.D.N: 3301... CÔNG TY T.NHIỆM H.HẠN MTV HỮU CƠ HUẾ VIỆT TP. HUẾ T. THỪA THIÊN HUẾ

Nguyễn Thị Huệ

Scanned with CamScanner

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THÔNG BÁO THAY ĐỔI, BỔ SUNG NỘI DUNG BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Sản phẩm: HẠT SEN KHÔ (HẠT SEN KHÔ SẤY THĂNG HOA)
Số tự công bố sản phẩm: 34/HCHVTCB/2024

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm

Tên tổ chức, cá nhân: Công ty TNHH MTV Hữu Cơ Huế Việt

Địa chỉ: 3/32 tổ 6, Ngọc Anh, phường Phú Thượng, quận Thuận Hóa, thành phố Huế

Điện thoại: 0914872980

E-mail: huucohueviet@gmail.com

Mã số doanh nghiệp: 3301582491

Tên và cơ sở sản xuất sản phẩm:

- Cơ sở sản xuất: CƠ SỞ SẢN XUẤT ỐNG HÚT CỎ HUẾ VIỆT
- Địa chỉ: Thôn Tả Hữu Tự, làng Phò Trạch, xã Phong Bình, Phong Điền, TP Huế
- Giấy Chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm số 0075/NNPTNT-TTH do chi cục Quản lý chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản Thừa Thiên Huế cấp ngày 17/10/2023.

II. Thông tin thay đổi, bổ sung

1. Bổ sung các chỉ tiêu dinh dưỡng

TT	Tên chỉ tiêu	ĐVT	Mức công bố	Mức ghi nhãn
1	Năng lượng/Energy (tính theo Carbohydrate không bao gồm xơ)	kcal/100g	324.9 – 397.1	361kcal
2	Chất đạm/Protein	g	20.25 – 24.75	22.5g
3	Carbohydrat/Carbohydrate	g	55.8 – 68.2	62g (21.9%)
4	Tổng chất béo/Total Fat	g	2.31 – 2.83	2.57g
5	Đường tổng số/ Total Sugars	g	8.73 – 10.67	9.7g
6	Sắt/Iron	mg/100g	4.69 – 5.73	5.21mg
7	Canxi/Calcium	mg/100g	97.11 – 118.69	107.9mg

2. Thay đổi

2.1 Tên cơ sở sản xuất: Địa điểm kinh doanh Cơ sở sản xuất chế biến thuộc Công ty TNHH MTV Hữu cơ Huế Việt.

Địa chỉ: KQH hạ tầng dân cư, phường Hương Thủy, thành phố Huế, Việt Nam

2.2 Khối lượng tịnh: 200 g, 250 g, 300 g, 400g, 500 g (hoặc theo yêu cầu khách hàng và được ghi rõ trên nhãn hàng hóa)

2.3 Giấy Chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm số 40012600.GC do Công ty cổ phần chứng nhận quản lý và chất lượng sản phẩm Greencert cấp ngày 12/01/2025.

2.4 Địa chỉ Công ty TNHH MTV Hữu Cơ Huế Việt: 3/32 tổ 6, Ngọc Anh, phường Mỹ Thượng, thành phố Huế, Việt Nam.

2.5 Thay đổi mẫu nhãn sản phẩm: đính kèm nội dung dự kiến ghi nhãn sản phẩm.

Scanned with CamScanner

Các thông tin khác đã công bố theo Bản tự công bố sản phẩm số 34/HCHVTCB/2024 ngày 02/02/2024 được giữ nguyên.

Công ty TNHH MTV Hữu Cơ Huế Việt xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./.

Huế, ngày 21 tháng 01 năm 2026

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Thị Huệ

Scanned with CamScanner

NỘI DUNG DỰ KIẾN GHI NHÃN SẢN PHẨM

(kèm theo Thông báo thay đổi, bổ sung nội dung Bản tự công bố sản phẩm)

TÊN SẢN PHẨM: HẠT SEN KHÔ (HẠT SEN KHÔ SẤY THĂNG HOA)

THÀNH PHẦN: 100% từ hạt sen Huế

HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG: Dùng để nấu chè và chế biến các món ăn tùy thích.

HƯỚNG DẪN BẢO QUẢN: Để nơi khô ráo, thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp

HẠN SỬ DỤNG: 12 tháng

NGÀY SẢN XUẤT: xem trên bao bì.

THÔNG TIN CẢNH BÁO: Không sử dụng sản phẩm hết hạn sử dụng hoặc có dấu hiệu hư hỏng, ẩm mốc.

SẢN PHẨM CỦA: Công ty TNHH MTV Hữu Cơ Huế Việt

Địa chỉ: 3/32 tổ 6, Ngọc Anh, phường Mỹ Thượng, thành phố Huế, Việt Nam

Điện thoại: xxxxxxxxxx

SẢN XUẤT TẠI: ĐĐKD CSSX CB thuộc Công ty TNHH MTV Hữu Cơ Huế Việt

Địa chỉ: KQH hạ tầng dân cư, phường Hương Thủy, thành phố Huế, Việt Nam

Cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm theo quy định.

Số TCB: 34/HCHVTCB/2024

KHỐI LƯỢNG TỊNH: 200g

XUẤT XỨ: Việt Nam

THÔNG TIN DINH DƯỠNG/NUTRI TION FACTS	
Giá trị dinh dưỡng trung bình trên/Servings Per Container (100g)	
Năng lượng/Energy	**361kcal (1511kJ)**
Tổng chất béo/Total Fat 2.57 g	4%
Carbohydrat/Carbohydrate 62g	21.9%
Đường tổng số/ Total Sugars 9.7g	
Chất đạm/Protein 22.5g	
Sắt/Iron 5.21mg	28.94%
Canxi/Calcium 107.9mg	8.3%

Huế, ngày 21 tháng 01 năm 2026

GIÁM ĐỐC

CÔNG TY T.NHIỆM H.HẠN MTV HỮU CƠ HUẾ VIỆT

Nguyễn Thị Huệ

Scanned with CamScanner

TESTING REPORT/
BÁO CÁO KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Job code/ *Mã phiếu*: **KN121427028(a)**
Report date/ *Ngày trả kết quả*: **06/03/2023**
Page/ *Trang*: **1/ 3**

Applicant/ ref. (*Khách hàng/ số yêu cầu*) : CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN HỮU CƠ HUẾ VIỆT
Address (*Địa chỉ*) : Số 3/32 Tổ 6, Ngọc Anh, Phường Phú Thượng, Thành phố Huế, Tỉnh Thừa Thiên Huế, Việt Nam
Information provided by applicant (*Thông tin được khách hàng cung cấp*) : Hạt sen khô (Hạt sen khô sấy thăng hoa)
Sample description (*Mô tả mẫu*) : Mẫu chứa trong túi kín
Seal No (*Số niêm*) : Không niêm
Source of sample (*Nguồn mẫu*) : Khách hàng gởi mẫu
Sample received on (*Ngày nhận mẫu*) : 27/02/2023
Sample tested on (*Ngày phân tích*) : 27/02/2023

Code/ *Mã mẫu*	Name/ *Tên mẫu*	Test Parameter/ *Chỉ tiêu phân tích*	Test Method/ *Phương pháp*	Unit/ *Đơn vị*	LOD	Result/ *Kết quả*
KN121427028/1 (a)	Hạt sen khô (Hạt sen khô sấy thăng hoa)	Phosphor(1)	AOAC 995.11	mg/kg	10.0	4 638
		GLucid/ Carbohydrate(1)	NTL_HH 280 Ref.FAO food energy 02:2003	%	/	62.0
		Năng lượng(1)	NTL_HH 279 Ref.FAO food energy 02:2003	kcal/100g	/	361
		Lipid(1)	NTL_HH 288 Ref.FAO 14/7: 1986, p.214-219	%	/	2.57
		Protein(1)	NTL_HH 291 Ref.FAO 14/7: 1986,p.221-223	%	/	22.5
		Khoáng tổng(1)	NTL-HH 290 Ref.FAO 14/7:1986, p.228	%	/	4.72
		Độ ẩm(1)	NTL-HH289 Ref.FAO 14/7:1986, p.205	%	/	8.24
		Đường tổng(1)	TCVN 4594:1988	%	-	9.70
		Phát hiện Salmonella spp.(1)	ISO 6579-1: 2017/ Amd.1:2020	Phát hiện/25g	eLOD=3 CFU/25g	ND
		Định lượng E.Coli(1)	TCVN 7924-2:2008 (ISO 16649-2:2001)	CFU/g	10 CFU/g	<10
		Định lượng Bacillus cereus(1)	ISO 7932:2004 (TCVN 4992:2005)	CFU/g	10 CFU/g	<10

Scanned with CamScanner

TESTING REPORT/
BÁO CÁO KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Job code/ *Mã phiếu*: **KN121427028(a)**
Report date/ *Ngày trả kết quả*: **06/03/2023**

Code/ *Mã mẫu*	Name/ *Tên mẫu*	Test Parameter/ *Chỉ tiêu phân tích*	Test Method/ *Phương pháp*	Unit/ *Đơn vị*	LOD	Result/ *Kết quả*
KN121427028/1 (a)	Hạt sen khô (Hạt sen khô sấy thăng hoa)	Định lượng vi sinh vật hiếu khí (TPC)(1)	TCVN 4884-1:2015 (ISO 4833-1:2013)	CFU/g	10 CFU/g	5.3x10^2
		Định lượng Clostridium perfringens(1)	TCVN 4991:2005 (ISO 7937: 2004)	CFU/g	10 CFU/g	<10
		Định lượng Coliforms(1)	TCVN 6848:2007 (ISO 4832:2006)	CFU/g	10 CFU/g	<10
		Định lượng nấm men, mốc(1)	ISO 21527-2:2008	CFU/g	10 CFU/g	<10
		Cadimi (Cd)(1)	AOAC 999.11	mg/kg	0.002	ND
		Thủy ngân (Hg)(1)	AOAC 971.21	mg/kg	0.0067	ND
		Chì (Pb)(1)	AOAC 999.11	mg/kg	0.010	ND
		Asen (As)(1)	AOAC 986.15	mg/kg	0.010	ND
		Đồng (Cu)(1)	AOAC 999.11	mg/kg	0.200	3.77
		Kẽm (Zn)(1)	AOAC 999.11	mg/kg	0.200	12.3
		Mangan (Mn)	TCVN 10916: 2015	mg/kg	1.00	46.2
		Magie (Mg)(1)	TCVN 10916: 2015	mg/kg	5.00	2 297
		Canxi (Ca)(1)	TCVN 10916: 2015	mg/kg	3.00	1 079
		Sắt (Fe)	AOAC 999.11	mg/kg	1.00	52.1
		Kali (K)(1)	TCVN 10916: 2015	mg/kg	30.0	17 385
		Vitamin C	NTL-HH342 Ref.TCVN 8977:2011 (EN 14130:2003)	mg/kg	5.00	ND
		Vitamin B1	NTL-HH333 Ref. Dược điển Hoa kỳ DSC trang 1630-1668	mg/kg	5.00	6.00< LOQ
		Vitamin A	NTL-HH346 Ref. TCVN 8972-1:2011 (EN 12823-1 : 2000) TCVN 8973:2011 (EN 12821 : 2009) TCVN 8674:2011 (ISO 14565:2000)	mg/kg	0.300	ND

Scanned with CamScanner

TESTING REPORT/
BÁO CÁO KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Job code/ *Mã phiếu*: **KN121427028(a)**
Report date/ *Ngày trả kết quả*: **06/03/2023**

Code/ *Mã mẫu*	Name/ *Tên mẫu*	Test Parameter/ *Chỉ tiêu phân tích*	Test Method/ *Phương pháp*	Unit/ *Đơn vị*	LOD	Result/ *Kết quả*
KN1214 27028/1 (a)	Hạt sen khô (Hạt sen khô sấy thăng hoa)	Vitamin B6	NTL-HH325 Ref.TCVN 9513:2012 (EN 14663:2005)	mg/kg	15.0	ND
		Vitamin B3	NTL-HH322 Ref.TCVN 9045:2012 (EN 15652:2009)	mg/kg	5.00	11.0<LOQ
		Vitamin B5	NTL-HH323 Ref.TCVN 11669:2016 ISO 20639:2015	mg/kg	5.00	6.50 < LOQ
		Aflatoxin tổng số	NTL-HH619 Ref.TFAC-2008-393.R1	µg/kg	0.500	ND

Note / *Ghi chú*:

1. (*) Testing parameter is sent to subcontractor accredited by NATEKLAB / *Chỉ tiêu gởi nhà thầu phụ và được giám sát bởi NATEKLAB.*
2. (1) Parameter is accredited ISO17025 / *Chỉ tiêu được công nhận ISO17025*
3. (2) Parameter is designated by Ministry of Agriculture and Rural Development / *Chỉ tiêu được chỉ định bởi Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn*
4. (3) Parameter is designated by Ministry of Industry and Trade/ *Chỉ tiêu được chỉ định bởi Bộ Công Thương*
5. (4) Parameter is designated by Ministry of Health / *Chỉ tiêu được chỉ định bởi Bộ Y Tế*
6. ND: Not detected/ *Không phát hiện* D: Detected/ *Phát hiện*
7. LOD: limit of detection/ *Giới hạn phát hiện* LOQ: Limit of Quantitation/ *Giới hạn định lượng*
8. This testing result is only valid on tested sample. It is issued under our NATEK Terms and Conditions./ *Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử. Báo cáo này được ban hành theo những điều khoản kinh doanh của NATEK*
9. The above result shall not be reproduced, partly or fully, unless written approval of NATEK is granted/ *Không được sao chép kết quả này, một phần hay toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của đại diện NATEK*
10. (a) Testing report substitute for the previous analysis results with JOB No./ *Báo cáo kết quả phân tích sửa lỗi thay thế cho bản báo cáo kết quả phân tích trước cùng JOB No ngày 06/03/2023*

Authorized Technical Representative
Phụ trách kỹ thuật

NGUYỄN THỊ GIANG HÀ

On behalf of NATEK
Đại diện NATEK

M.S.D.N: 1801088223 CÔNG TY CỔ PHẦN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ NATEK Q.CÁI RĂNG - TP.CẦN THƠ

HOÀNG ĐỨC CÁT

Scanned with CamScanner

NUTRITION FACTS	
Servings Per Container **Serving Size**	**(100g)**
Amount Per Serving **Calories**	**361kcal(1511kJ)**
	%Daily Value *
Total Fat 2.57g	4%
Total Carbohydrate 62g	21.9%
Total Sugars 9.7g	
Includes added Sugars	
Protein 22.5g	
Calcium 107.9mg	8.3%
Iron 5.21mg	28.94%
Potassium 1738.5mg	37%

*The % Daily Value (DV) tells you how much a nutrient in a serving of food contributes a daily diet. 2,000 calories a day is used for general nutrition advice

Scanned with CamScanner